| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 25-01-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:* Bà Nông Biên Hòa.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hường.
Ông Đàm Văn Sự.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:*** Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn C;** giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 07/02/1984; tại huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Ẹ, sinh năm 1944; có vợ là Lý Thị T, sinh năm 1987 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-9-2023 đến ngày 29-9-2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chăn Bảo Lĩnh. Hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú; (Có mặt).

2. **Hoàng Văn S;** giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 14/3/1991; tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1968 và bà Hoàng Tị L, sinh năm 1967; có vợ Lương Thị Đ, sinh năm 1990 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-9-2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm tam giam Công an tỉnh C; (Có mặt).

3. **Lục Văn H1;** giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 15/01/1976; tại huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi cư trú: xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn B1 (đã chết) và bà Triệu Thị M, sinh năm 1931; có vợ Lục Thị T1, sinh năm 1974 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-9-2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt).

**** Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S; Lục Văn H1:***

Bà Hoàng Thị Diệp H2-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Lục Thị L1, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Dương Thị B2, Sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Đồn Biên phòng N1 bắt quả tang Phạm Văn C đang điều khiển xe ô tô màu trắng nhãn hiệu KIA CERATO biển kiểm soát 98A-36799 di chuyển từ khu vực biên giới thuộc xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng ra hướng thành phố C, trên xe chở 03 người đàn ông mang quốc tịch Trung Quốc, các đối tượng đều không xuất trình được giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp theo quy định (gồm Thẩm Hải B3, sinh năm 1986; trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc; Lưu Diễn M1, sinh năm 1987; trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc và Hướng Lan V, sinh năm 2001; trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc). Tổ công tác đã lập biên bản theo quy định và tạm giữ của Chín 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu vàng đã qua sử dụng, 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-36799. Ngày 13 tháng 9 năm 2023 Hoàng Văn S và Lục Văn H1 đến Công an huyện T đầu thú về hành vi phạm tội của mình, S tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SMP màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readme màu xanh đã qua sử dụng và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đã qua sử dụng, không gắn biển kiểm soát; Hỉnh tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu xanh đen, đã qua sử dụng và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 99C1-01220.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 12 giờ ngày 12 tháng 9 năm 2023, có một người đàn ông sử dụng tài "Đời xứ lạ" và số điện thoại 0343.706.570 liên lạc với tài khoản Z "Anh C" và

số điện thoại 0945.865.789 của Phạm Văn C để thuê C đến huyện T, tỉnh Cao Bằng đón 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đưa đến khu vực cầu T, thành phố Hà Nội, với tiền công là 7.000.000 đồng và nhận tiền khi giao người, C đồng ý, người này hướng dẫn C cứ đi đến thị trấn T sẽ có người liên lạc thông báo thời gian, địa điểm đón người. Khoảng 13 giờ cùng ngày, C điều khiển xe ôtô nhãn hiệu KIA CERATO, biển kiểm soát 98A-367.99 di chuyển từ huyện L, tỉnh Bắc Giang đi qua tỉnh Lạng Sơn đến thị trấn huyện T, tỉnh Cao Bằng, lúc này khoảng 19 giờ cùng ngày. Trước đó, khoảng 7 giờ sáng ngày 12/9/2023, trên đường đưa con gái đi học, Hoàng Văn S gặp một người đàn ông đang ngồi trên một xe máy (không rõ loại, biển kiểm soát) dừng đỗ ở bên đường, người này hỏi S về mốc biên giới 764, sau đó người này đặt vấn đề thuê S lên mốc 764 thuộc địa phận xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng đón 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và giao cho một người khác đi xe ô tô đến khu vực, vị trí thuộc xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng, nếu thực hiện trót lọt Sim sẽ được trả số tiền 300 CNY (nhân dân tệ)/01 người, S đồng ý, người này đưa cho S số điện thoại của Phạm Văn C và dặn khi đón được những người nhập cảnh trái phép thì liên lạc theo số điện thoại trên để giao, nhận người. Khoảng 18 giờ cùng ngày, S một mình đi đến mốc 764 thì thấy có 03 (ba) người đàn ông Trung Quốc và sau đó họ tự chui qua hàng rào dây thép gai tại khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc, S ra hiệu cho những người này đi bộ theo S xuống núi, khi đi đến gần tổ công tác Bộ đội Biên phòng ở xã L, S gọi cho Lục Văn H1 và thuê H1 chở giúp 01 (một) người, S sẽ trả số tiền công là 1.000.000 đồng, H1 đồng ý. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày S dẫn 03 người Trung Quốc đến vị trí mà Hỉnh đang chờ tại xóm R, xã L, huyện T, sau đó H1 chở 01 (một) người, S chở 02 (hai) người đưa đến xóm L, xã L, huyện T. Trước đó S cùng tài khoản Zalo "Đời xứ Lạ" nhắn Chín khi đến nơi thì nháy đèn ô tô để nhận biết nhau, nên khi C đến điểm hẹn và nháy đèn chờ khoảng 05 phút thì thấy S và H1 chở theo 03 (ba) người Trung Quốc đến, S đưa 03 người đó lên xe ôtô của C, sau đó S và H1 đi về nhà H1, S đưa cho H1 số tiền 1.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Còn C điều khiển xe ô tô đi theo hướng ra thị trấn T để theo đường Lạng Sơn về thành phố Hà Nội, trên đường di chuyển tài khoản Zalo “Đời Xứ Lạ” yêu cầu C quay video ghi hình người Trung Quốc nhưng do đang lái xe nên C chưa thực hiện được. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi nhóm người đang di chuyển đến khu vực tổ B, thị trấn T thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, C còn khai nhận trước đó khoảng tháng 03 đến tháng 6 năm 2023, C còn được người đàn ông sử dụng tài khoản Zalo “Đời Xứ L2" thuê 04 (bốn) lần đón, chở người từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa về cầu T, thành phố Hà

Nội, với tiền công là 4.000.000 đồng/01 chuyến. Tuy nhiên ngoài lời khai của C, không có tài liệu nào khác đế cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Bùi Quang T2, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang: 01 (một) xe ô tô màu trắng nhãn hiệu KIA CERATO biển kiểm soát 98A- 36799 là đúng theo quy định của pháp luật.

Hành vi của Phạm Văn C và đồng phạm đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Với hành vi trên, tại Bản cáo trạng số 137/CT-VKSCB-P1, ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

***Tại phiên toà,*** các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" là đúng, không có ý kiến gì thắc mắc. Bị cáo Phạm Văn C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày về nhân thân, hoàn cảnh gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo Lục Văn H1 tác động gia đình nộp lại số tiền 1.000.000đ do thực hiện hành vi phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 đề nghị Tòa xem xét trả xe máy cho chủ sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Lục Thị L1 trình bày: Lệ là con gái của Lục Văn H1, về nguồn gốc chiếc xe máy Honda biển kiểm soát số 99C1: 0012.20 là của L1 mua lại xe cũ, chưa làm thủ tục sang tên, mua chiếc xe trên để phục vụ cho việc đi làm vì L1 hiện nay làm việc tại Bắc Ninh; ngày 31/8/2023 L1 có đi xe máy trên về nhà và có để xe máy trên ở nhà, việc bố lấy chiếc xe máy trên đi chở người nhập cảnh trái phép L1 không biết và bố L1 cũng không hỏi con. Đề nghị Tòa xem xét trả xe máy trên cho L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Dương Thị B2 trình bày: Hoàng Văn S là anh trai ruột của chồng bà, về nguồn gốc chiếc xe máy Honda biển kiểm soát 11K 025.17, chiếc xe này là của vợ chồng bà mua, do anh trai chồng là Hoàng Văn S không có xe máy nên cho mượn để làm phương tiện phục vụ sinh hoạt gia đình, việc S lấy chiếc xe máy trên đi chở người nhập cảnh trái phép bà không biết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà B2 đề nghị Tòa xem xét trả xe máy trên.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 về tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

*Tội danh:* Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*.

*Điều luật áp dụng và hình phạt*:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 15 – 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo từ 30-36 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lục Văn H1 đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 24-30 tháng.

Căn cứ Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho Hoàng Văn S, Lục Văn H1 nếu các bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

*Hình phạt bổ sung*: Không áp dụng.

*Xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại OPPO của bị cáo Phạm Văn C; 01 điện thoại SMP của bị cáo Hoàng Văn S; 01 điện thoại ITEL của bị có Lục Văn H1, xác định điện thoại được các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả bị cáo S 01 điện thoại REALME của bị cáo Hoàng Văn S;

- Trả lại cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Trả lại cho bà Lục Thị L1: 01 xe mô tô Honda biển kiểm soát số 99C1: 0012.20.

+ Trả lại cho bà Dương Thị B2: 01 xe mô tô Honda wave.

*Án phí*: Các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 được miễn án phí; bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Trợ giúp pháp lý Hoàng Thị Diệp H2 trình bày lời bào chữa cho Hoàng Văn S, Lục Văn H1:*

Nhất trí với cáo trạng truy tố các bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ, hành vi phạm tội; Bị cáo S được người khác thuê đón người nhập cảnh trái phép, cả 02 phạm tội để hưởng tiền công kiếm tiền phục vụ kinh tế gia đình; chưa được hưởng lợi; cả 02 bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại nơi cư trú; có nơi cư trú rõ ràng, sinh ra và lớn lên ở vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Các bị cáo phạm tội một phần do chưa nhận thức đầy đủ mức độ nguy hại của việc tổ chức cho người nhập cảnh trái phép. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 đã tự giác đến cơ quan Công an để đầu thú, bị cáo Lục Văn H1 tác động gia đình nộp lại số tiền 1.000.000đ do thực hiện hành vi phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử các bị cáo mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị và trả tự do cho 02 bị cáo tại phiên tòa. Đối với 02 chiếc xe máy bị tạm giữ, đề nghị trả xe máy cho bà Lục Thị L1, Dương Thị Bích . Về án phí: Cả 02 bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phạm Văn C không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lục Thị L1: Nhất trí như luận tội của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, cả 03 bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh C lập hồi 22 giờ 30 phút cùng ngày 12/9/2023 đối với Phạm Văn C và nhóm người nhập cảnh trái phép; Căn cứ Biên bản nhận dạng của 03 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhận dạng đối với Hoàng Văn S, Lục Văn H1; Căn cứ vào lời khai của 3 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép; căn cứ biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Hoàng Văn S, Lục Văn H1; căn cứ vào trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại của Phạm Văn C, Lục Văn H1, Hoàng Văn S; Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người nhập cảnh, số lượng người nhập cảnh trái phép, số tiền công được hứa trả cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại khu vực tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Đồn Biên phòng N1 bắt quả tang Phạm Văn C đang điều khiển xe ô tô màu trắng nhãn hiệu KIA CERATO biển kiểm soát 98A-36799 chở theo 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đưa về khu vực cầu T, thành phố Hà Nội. Trước đó Hoàng Văn S được một người đàn ông không quen biết thuê đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại mốc 764 thuộc địa phận xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng với tiền công 300 CNY/01 người, nên S đã rủ Lục Văn H1 cùng thực hiện đưa người về xóm L, xã L, huyện T để giao cho Phạm Văn C theo yêu cầu của tài khoản Z "Đời Xứ Lạ", lần phạm tội này Phạm Văn C và Hoàng Văn S chưa nhận được tiền công như thoả thuận, còn Lục Văn H1 đã nhận được 1.000.000 đồng tiền công do S đưa trước.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để được hưởng lợi về kinh tế. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò chỉ là người làm thuê, giúp sức, còn chủ mưu là người đàn ông không quen biết và người có tài khoản zalo "Đời xứ lạ". Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng Văn S khi được người đàn

ông không quen biết thuê đón 3 công dân Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, bị cáo đã rủ Lục Văn H1 cùng thực hiện. Cả 03 bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 đều giữ vai trò là người thực hành, trong đó bị cáo Phạm Văn C làm nghề lái xe tự do, thường xuyên đăng tải thông tin lên các trang mạng xã hội, nên đã được đối tượng không quen biết liên hệ thuê chở 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Hoàng Văn S và Lục Văn H1 sống ở khu vực biên giới; Hoàng Văn S là người giữ vai trò cao hơn H1 là người đã liên lạc với người đàn ông không quen biết để đón người và rủ bị cáo Lục Văn H3 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, khi lượng hình bị cáo S cần có mức án cao hơn bị cáo H1.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý đón công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Cả 03 bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H3 đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Cả 03 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:*

+ Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 03 bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ăn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 13/9/2023 Hoàng Văn S và Lục Văn H1 đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội, nên cả 02 bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Lục văn H4 tác động gia đình nộp lại 1.000.000đ là tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội, nên bị cáo H4 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn C có bố là ông được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; về hoàn cảnh gia đình bị cáo trực tiếp phụng dưỡng bố mẹ già, có 03 con còn nhỏ,

bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, nguyên nhận phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra và vai trò các bị cáo. Hội đồng xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có một tình tiết tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng; Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, nên không cần thiết phải cách ly cả 03 bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 hưởng mức án nhẹ nhất Viện kiểm sát đề nghị là chưa tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội nên Hội đồng sẽ cân nhắc xem xét quyết định.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, làm ruông, thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông sử dụng thì khoản mạng xã hội Z "Đời Xứ Lạ" và số điện thoại 0343.706.570 thuê Phạm Văn C và người đàn ông thuê Hoàng Văn S, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không đủ thông tin để tiến hành xác minh, triệu tập lấy lời khai, đấu tranh làm rõ. Nếu trong quá trình điều tra các vụ án khác, phát hiện các đối tượng trên, Cơ quan điều tra sẽ xác minh, điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lý Thị Thủy L3 đứng tên đăng ký số thuê bao 0343.706.570 (Đời Xứ Lạ sử dụng), căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định Lý Thị Thủy L3 không sử dụng số điện thoại nêu trên và không tham gia vào hành vi tổ chức đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Đàm Hoàng Y, sinh ngày 30/10/2002, trú tại xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng đứng tên đăng ký số thuê bao 0363.138.513 (Hoàng Văn S sử dụng), quá trình xác minh Y không có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ hiện tại. Đối với Hoàng Thị K, địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng đứng tên đăng ký số thuê bao 0817.160.127 (Phạm Văn C sử dụng) và Dương Văn N, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đứng tên đăng ký số thuê bao 0812.830.976 (Lục Văn H1 sử dụng), hiện nay, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác.

Đối với 03 (ba) công dân Trung Quốc có hành vi nhập trái phép vào Việt Nam, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C xử lý theo quy định của pháp luật và trao trả cho cơ quan chức năng Trung Quốc theo quy định.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội thì tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước, các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể:

- Truy thu số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Lục Văn H1 được hưởng lợi từ hành vi phạm tội.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền sung công quỹ nhà nước điện thoại các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Trả bị cáo S 01 điện thoại di động.

- Trả lại cho bà Lục Thị L1: 01 xe mô tô Honda biển kiểm soát số 99C1: 0012.20. Xác định xe mô tô là tài sản cá nhân của bà Lục Thị L1 tự mua bằng tiền do bà L1 đi làm công nhân có được, việc bị cáo Lục Văn H1 là bố của bị cáo L1 sử dụng xe máy đi chở người nhập cảnh trái phép bà L1 không được biết.

- Trả lại cho bà Dương Thị B2: 01 xe ô tô Honda biển kiểm soát số 11k: 025.17. Xác định xe mô tô là tài sản cá nhân của vợ chông bà Dương Thị Bích . Việc bị cáo Hoàng Văn S là anh trai chồng sử dụng xe máy đi chở người nhập cảnh trái phép bà B2 không được biết.

[8] Về án phí: Xét đơn các bị cáo và đề nghị của Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 được miễn án phí hình sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 về Án phí là có căn cứ chấp nhận, xử bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Văn C, Hoàng Văn S, Lục Văn H1 phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*.

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C: 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/01/2024. Giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

*Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự đối với 02 bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H1; xử phạt:

+ Bị cáo bị cáo Hoàng Văn S: 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/01/2024. Giao bị cáo Hoàng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hoàng Văn S nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

+ Bị cáo bị cáo Lục Văn H1: 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/01/2024. Giao bị cáo Lục Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lục Văn H1 nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Trong trường hợp người được hưởng án treo ( cả 03 bị cáo) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

**2. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

* *Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Lục Văn H1* số tiền 1.000.000 đ (một triệu đồng). Xác nhận bà Lục Thị Thu H5 đã nộp thay cho bị cáo tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng 1.000.000đ (một triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000035 ngày 11/12/2023 và được khấu trừ khi thi hành án.

* *Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:*

- Đối với Phạm Văn C: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt

trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO tạm giữ của Phạm Văn C", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- Đối với Hoàng Văn S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SMP được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu: SMP và REALME tạm giữ của Hoàng Văn S", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- Đối với Lục Văn H1: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL tạm giữ của Lục Văn H1", mặt sau có chữ ký cua các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

** Trả lại cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tài sản:*

- Bị cáo Hoàng Văn S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REALME được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu: SMP và REALME tạm giữ của Hoàng Văn S", mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- Bà Lục Thị L1, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 99C1-012.20, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm$^3$, nhãn hiệu: HONDA, số loại: SUPERDREAM, màu sơn: Nâu, dung tích xi lanh: 97 cm$^3$; số máy: ELA08E1420062, số khung: RLHHA0801AY120168, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2011, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết xước đã cũ (có 01 chìa khóa xe kèm theo).

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/10/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

- Bà Dương Thị B2, Sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm R, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe mô tô (không gắn biển số), loại xe: Hai bánh từ 50-175cm$^3$, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE S(D), màu sơn: Đỏ B, dung tích xi lanh: 97 cm$^3$; số may: JC52E4364178, số khung: RLHJC521XCY247692, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2011, xe cũ đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, đèn hậu bị vỡ, vỏ xe có nhiều vết trầy xước đã cũ (có 01 chìa khóa xe kèm theo).

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 17/10/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 39 ngày 06 tháng 12 năm 2023.

**3. Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Bị cáo Phạm Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Hoàng Văn S, Lục Văn H3 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hình sự sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Văn Sự** **Hoàng Thị Hường** **Nông Biên Hòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PC06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Biên Hòa**

- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.